

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 5 -2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Toàn

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Anh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: số C, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng G, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số H, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh G và chị T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Anh T trình bày:

Chị T và anh G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh G không còn chung sống với cách nay đã khoảng sáu tháng và hiện tại không khả năng hàn gắn được. Từ đó, chị có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh G là vợ chồng.

Trong thời gian sống chung chị T và anh G có một người con tên Trần Hoàng A, sinh ngày 18/7/2017, tuy nhiên do chị và anh G không đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của Trần Hoàng A, tại mục họ tên cha để trống. Chị T có ý kiến không yêu cầu xem xét cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 18/7/2017 là con chung của chị và anh G trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ chung: trong thời gian chung sống chị và anh G không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Anh T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Hoàng G trình bày:

Anh G thống nhất với lời trình bày của chị T là anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị không còn chung sống với khoảng thời gian đã sáu tháng. Anh G đồng ý theo yêu cầu của chị T, không công nhận anh G và chị T là vợ chồng.

Về tài sản chung, nợ chung: trong thời gian chung sống anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh G có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị T thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn anh G thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 14, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ giữa Trần Thị Anh T và anh Phạm Hoàng G là vợ chồng.

- Về con chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu không nhận chị và anh G là vợ chồng. Do anh G có nơi cư trú tại ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị Anh T và anh Phạm Hoàng G đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh G.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Anh T và anh Phạm Hoàng G chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2017 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng”. Do vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh G.

[2.2]. Về con chung: Chị T trình bày chị và anh G chung sống với nhau có một người con tên Trần Hoàng A, sinh ngày 18/7/2017. Xét thấy, trong giấy khai sinh không thể hiện cháu Trần Hoàng A là con chung của anh G và chị T, anh G không có ý kiến về con chung, chị T không có yêu cầu giám định để xác định cha cho cháu Trần Hoàng A, đồng thời chị T có ý kiến không yêu cầu xác định cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 18/7/2017 là con chung của chị và anh G trong vụ án này. Do vậy, nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh chị có phát sinh tranh chấp thì yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ một vụ án khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh G trình bày thống nhất không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị T đã nộp là 300.000 đồng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Anh T.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Anh T và anh Phạm Hoàng G.

2. Về con chung: Chị T không có yêu cầu xác định cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 18/7/2017 là con chung của chị T và anh G, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh G trình bày thống nhất không có.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Anh T phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007754 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ